

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 285/2026/DS-PT
Ngày: 17-4-2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Ninh

Ông Vũ Hồng Luyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phùng Đức Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 134/2026/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 221/2026/QĐ-PT ngày 11/3/2026 và Quyết định số 306/2026/QĐ-PT ngày 02/4/2026 về hoãn phiên tòa phúc thẩm, giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kiều L, sinh năm 1961; địa chỉ: Khu phố P, phường B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

+ Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 8a, Khu phố T, phường B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đức D, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Khu phố P, phường B, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Đặng Quốc L1, sinh năm 1972 và bà Trần Thị H, sinh năm 1974; Cùng địa chỉ tại: Thôn G, xã T, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Quốc L1:

+ Ông Trần Bạch L2, sinh năm 1980; Nơi cư trú: F T, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang). Địa chỉ liên lạc: A L, khu phố A, phường C, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn C, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp I, L, tỉnh Đồng Nai (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 26/12/2025). Có mặt.

2. Ông Hoàng Ngọc L3, sinh năm 1963; địa chỉ: phường Đ, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Ngọc L3:

+ Bà Hoàng Thị L4, sinh năm 1990; Địa chỉ: khu phố B, phường Đ, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Hồ Minh T1, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: 15/1 N, Khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: 5 P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Sĩ H1, sinh năm 1982, số định danh cá nhân 038082025071; Nơi đăng ký thường trú: Thôn E, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

Người kháng cáo: Ông Đặng Quốc L1 và ông Hoàng Ngọc L3.

Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lã Thị Kiều L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Đức D trình bày:*

Vào ngày 25/4/2022 bà L có cho vợ chồng ông Đặng Quốc L1, bà Trần Thị H và ông Hoàng Ngọc L3 vay số tiền là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng). Khi vay, hai bên có làm giấy vay tiền (viết tay), có thỏa thuận thời hạn trả, lãi suất và ông L1, ông L3 có ký vào giấy vay tiền để xác nhận. Để đảm bảo cho việc vay tiền thì ông L1 và ông L3 có thể chấp cho bà L 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ):

- 01 GCNQSDĐ số BN 959444 mang tên ông Đặng Quốc L1.

- 01 GCNQSDĐ số CK 795476; số vào sổ cấp GCNQSDĐ: CS 10451 cấp ngày 11/01/2018 cho ông Hoàng Ngọc L3: thửa đất số: 635; tờ bản đồ số: 24; tọa lạc tại ấp B, phường Đ, tỉnh Đồng Nai.

Sau đó, ngày 11/5/2022 ông L1 gặp bà L xin lấy lại GCNQSDĐ số BN959444, và thay bằng GCNQSDĐ số BN959391 của thửa đất số 394 (chỉnh lý thành 1339 "Lô 11"); tờ bản đồ số: (chỉnh lý thành 8 "Cụm A1") tại phường C, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20/12/2013 cho Công ty cổ phần Đ, chỉnh lý trang tư ngày 28/9/2020 cho ông Đặng Quốc L1, bà Trần Thị H để bà L cầm làm tin thay cho GCNQSDĐ số BN959444.

Hiện nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông L1, bà H và ông L3 không trả nợ nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Yêu cầu ông Đặng Quốc L1, bà Trần Thị H và ông Hoàng Ngọc L3 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lã Thị Kiều L số tiền gốc vay là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) và số tiền lãi với mức lãi suất 1,6%/tháng từ ngày 25/04/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Quốc L1 trình bày:*

Ngày 25/4/2022 do quen biết với bà Lã Thị Kiều L nên ông Đặng Quốc L1 đi cùng ông Hoàng Ngọc L3 và ông Phạm Sỹ H2 đến gặp bà L để vay tiền. Sau khi thỏa thuận bà L cho ông L3 02 tỷ đồng. Giấy nợ ngày 25/4/2022 do bà L tự viết. Khi đọc giấy nợ ông L1 thấy bà ghi trong giấy nợ là ông L1 và ông lanh vay tiền, thế chấp 02 sổ đất của ông L3 và ông L1 thì ông L1 không đồng ý vì số tiền 02 tỷ này là ông L3 vay. Nhưng bà L nói chỉ vay một hai tháng nên ghi luôn không sao nên ông L1 chấp nhận ký tên làm chứng. Sau đó ông L1 ghi đã nhận đủ tiền, ký tên, ghi họ và tên, ông L3 cũng ký tên, ghi họ và tên vào giấy nợ, ông H2 ký tên người làm chứng. Sau đó, bà L trực tiếp giao tiền cho ông H2 và ông L3. Lý do ông L1 ghi "đã nhận đủ tiền" trong giấy nợ ngày 25/4/2022 là bà L yêu cầu ông L1 ghi cho ông L3.

Do thời điểm ngày 25/4/2022 ông L1 đang thế chấp 03 sổ đất BN959444, BN959391 và 01 quyển DC928619 cho bà L để vay 05 tỷ đồng nên bà L có thông tin sổ đất của ông L1 để đưa vào giấy nợ của ông L3. Sau đó, khi ông L1 đã trả tiền cho bà L, chỉ còn lại là 600.000.000đ nên ngày 11/5/2022 bà L đã trả cho ông L1 quyển sổ đất BN959444, còn giữ lại sổ BN959391 và 01 quyển DC928619. Khi kiện vụ án này, bà L tự ý đưa sổ đất BN959391 vào vụ án này để làm tài sản bảo đảm, nhưng ông L1 xác định sổ đất BN959391 không liên quan đến khoản vay ngày 25/4/2022. Việc bà L trả cho ông L1 sổ đất BN959444 thể hiện việc ông L1 không có liên quan đến khoản vay trên.

Đối với trình bày của ông L3 về việc mua nhà nghỉ, ngày 26/02/2022 ông L1 đặt cọc 850 triệu đồng để mua 01 nhà nghỉ của bà Nguyễn Thị M ở phường T, Đ. Sau khi ông L3 vay được tiền của bà L đã liên hệ bà M mua luôn nhà nghỉ mà ông L1 đã đặt cọc mà không thông báo với ông L1. Hiện nay ông L1 đang khởi kiện bà Nguyễn Thị M trong vụ án dân sự thụ lý số 70/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp về yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc và giải quyết hậu quả của hợp đồng đặt cọc" tại Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai. Ông L1 xác định số tiền ông đặt cọc mua nhà nghỉ của bà M không liên quan gì đến khoản tiền ông L3 vay của bà L.

Ngoài ra, vợ ông L1 là bà Trần Thị H không biết và không ký tên trong giấy nợ ngày 25/4/2022 nên không có trách nhiệm trả nợ. Ông L1 không vay không nhận tiền nên cũng không chấp nhận yêu cầu của bà L. Ông L1 yêu cầu bà L trả lại cho ông L1 sổ đất BN959391.

** Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị H trình bày:*

Bà Trần Thị H là vợ của ông Đặng Quốc L1. Đơn kiện của bà Lã Thị Kiều L yêu cầu ông L3, ông L1 và bà H cùng có trách nhiệm trả tiền theo giấy nợ ngày 25/4/2022. Tuy nhiên, bà H xác định bà không vay tiền của bà L, không ký giấy nợ ngày 25/4/2022, không nhận và cũng không được sử dụng số tiền trên. Nên bà L

khởi kiện yêu cầu bà H chịu trách nhiệm trả tiền là không đúng. Theo ông L1 nói lại thì lúc cho ông L3 vay tiền, bà L tự ghi vào giấy nợ thông tin GCNQSDĐ số BN 959544 đứng tên vợ chồng bà H, vì lúc đó ông L1 đang thế chấp GCNQSDĐ số BN 959544 cho bà L để vay tiền nên bà có thông tin sổ. Khi ông L1 trả hết tiền cho bà L thì bà L đã trả sổ đất trên cho vợ chồng bà H và ông bà đã bán cho người khác. Sổ đất BN959391 không liên quan đến khoản vay của ông L3 với bà L nhưng bà L lại tự ý đưa sổ đất số BN959391 vào vụ việc này. Do vậy, bà H thống nhất với quan điểm của chồng bà H yêu cầu bà L trả lại sổ đất trên.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hoàng Ngọc L3 và người đại diện theo ủy quyền bà Hoàng Thị L4 trình bày:*

Ngày 24/4/2022 ông H2 và ông L1 đến gặp ông L3 hỏi mượn sổ đất của ông L3 (thửa đất 635 tờ bản đồ 24 tại phường T), thời gian mượn là mấy ngày, mục đích mượn thì không nói. Họ chỉ nói mượn để giải quyết công việc nên ông L3 đồng ý cho mượn.

Ngày 25/4/2022 ông H2 và ông L1 đến nhà và rủ ông L3 đi chơi. Lúc đó ông L1 lái xe chở ông L3 và ông H2 đi B, đến nhà bà Lã Thị Kiều L, ông L3 thấy họ nói chuyện với nhau và ông L3 không biết nội dung. Sau đó bà L viết 01 tờ giấy và ông L3 thấy ông H2 và ông L1 ký tên, bà L nói ông L3 đi cùng thì nhờ ông L3 ký tên làm chứng. Lúc đó ông L3 không đọc nội dung mà chỉ ký tên ghi họ và tên để làm chứng. Vào ngày 25/4/2022 khi từ nhà bà L đi về thì ông L3 thấy ông L1 có cầm 01 bịch màu đen, không biết là bịch gì. Sau đó, ông L1 lái xe đến UBND phường T, khi đến đây ông L1, ông H2 nói ông L3 ngồi trên xe còn hai người họ đi vào trong. Khi họ trở lại xe thì ông L3 nghe họ nói chuyện và biết được họ nói đã trả tiền mua nhà nghỉ của bà M tại Phường T. Như vậy tiền vay của bà M do ông L1 và ông H2 sử dụng, ông L3 không được sử dụng số tiền trên.

Sau khi được xem giấy nợ ngày 25/4/2022 thì ông L3 xác nhận chữ ký tên, ghi họ tên và dấu lăn tay trong đó là của ông L3, còn dòng chữ "đã nhận đủ tiền" không phải do ông L3 viết. Ông L3 xác định ông không vay, không nhận tiền của bà L. Mọi việc vay mượn là do ông H2 và ông L1 vay nên ông L3 không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà.

Ông L3 có đơn phản tố yêu cầu bà L trả sổ đất trên CK795476 của thửa đất 635 tờ bản đồ 24 tại phường T cho ông L3.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Sĩ H1:*

Tại giai đoạn sơ thẩm, ông Phạm Sĩ H3 không có mặt tại địa phương, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông H3 nhưng ông H3 không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H3 có mặt và trình bày khoản vay 02 tỷ của bà Lã Thị Kiều L là do ông H3 và ông Đặng Quốc L1 cùng vay, không liên quan gì đến ông Hoàng Ngọc L3. Ông H3 và ông Đặng Quốc L1 có trách nhiệm trả nợ cho bà Lã Thị Kiều L.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2025/DS-ST ngày 30/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai tuyên xử:*

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của ; Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 502 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lã Thị Kiều L.

Buộc ông Đặng Quốc L1 và ông Hoàng Ngọc L3 liên đới trả cho bà Lã Thị Kiều L5 số tiền nợ gốc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng); Tiền lãi từ ngày 25/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1,6%/1 tháng là 41 tháng 05 ngày, thành tiền là 1.312.000.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 3.312.000.000đ (Ba tỉ ba trăm mười hai nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà L5 về việc yêu cầu bà H có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà L5.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hoàng Ngọc L3 về việc buộc bà Lã Thị Kiều L trả lại cho ông Hoàng Ngọc L3 GCNQSDĐ thửa đất 635, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất tại ấp B, xã T, thị xã Đ (nay là phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

3. Bà Lã Thị Kiều L và ông Đặng Quốc L1 có quyền thỏa thuận với nhau về việc giải quyết đối với GCNQSDĐ số BN959391 của thửa đất số: 394 (chỉnh lý thành 1339 "Lô 11"); tờ bản đồ số: (chỉnh lý thành 8 "Cụm A1") tại phường C, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20/12/2013 cho Công ty cổ phần Đ, chỉnh lý trang tư ngày 28/9/2020 cho ông Đặng Quốc L1, bà Trần Thị H hoặc khởi kiện thành vụ án khác nếu có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Đặng Quốc L1 có đơn kháng cáo (đề ngày 13/10/2025) và ông Hoàng Ngọc L3 có đơn kháng cáo (đề ngày 14/10/2025) yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2025/DS-ST ngày 30/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Ngày 14/10/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai có Quyết định số 03/QĐ-VKS-DS kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2025/DS-ST ngày 30/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai: Yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu chứng cứ mới.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai về phần tuyên án đối với nghĩa vụ của bà Trần Thị H và bổ sung phần chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

||Kháng cáo của đơn, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai thực hiện trong thời gian luật định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Bị đơn ông Hoàng Ngọc L3 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử khi chưa triệu tập đầy đủ các đương sự: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần gửi Giấy triệu tập ông Phạm Sỹ H2 lên làm việc, tiến hành xác minh tại Công an xã Đ (bút lục 69-70) thể hiện ông H2 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng không ở tại địa phương. Do đó, theo yêu cầu của nguyên đơn thì Tòa án đã thực hiện thủ tục đăng báo thông báo tìm kiếm người vắng mặt là ông Phạm Sỹ H2. Tuy nhiên, ông Phạm Sỹ H2 vẫn không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Sĩ H1 đã có mặt và trình bày quan điểm tại phiên tòa. Do đó, kháng cáo về nội dung chưa triệu tập đầy đủ đương sự của ông Hoàng Ngọc L3 không có cơ sở, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Bị đơn ông Hoàng Ngọc L3 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đưa ra xét xử khi chưa tiến hành đối chất các bên theo quy định: Hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã mời các bên đến Tòa án để đối chất và hòa giải (bút lục 104-103) tuy nhiên nguyên đơn yêu cầu vắng mặt và không yêu cầu hòa giải (bút lục 88-89) cho nên không tham gia buổi đối chất và hòa giải trên. Do đó, biên bản đối chất chỉ có bị đơn ông Đặng Quốc L1 và ông Hoàng Ngọc L3 tham gia và ký xác nhận. Như vậy, nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất là không có cơ sở để xem xét.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân:

[3.1] Xét nội dung tại giấy "Biên nhận vay tiền" đề ngày 25/4/2022 (bút lục số 142) thể hiện nội dung bên vay là ông Đặng Quốc L1 và ông Hoàng Ngọc L3 cùng vay của bà Lã Thị Kiều L số tiền là 2 tỷ đồng, thỏa thuận lãi suất 2.000 đồng/ngày, khoản vay trên được đảm bảo bằng việc ông L1 để lại 01 GCNQSDĐ mang tên ông L1 và ông L3 để lại 01 GCNQSDĐ mang tên ông L3. Đồng thời, ông L3 và ông L1 đều có chữ ký xác nhận nội dung "Đã nhận đủ tiền", có người làm chứng là ông Phạm Sỹ H2. Do ông L1 và ông L3 vay để sử dụng chung mục đích, không xác định

rõ nghĩa vụ của mỗi người là bao nhiêu nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên cả 02 cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà L là có cơ sở.

[3.2] Hội đồng xét thấy 02 tỷ là số tiền lớn, việc cả ông L1 và ông L3 đều cho rằng 02 ông ký xác nhận và lặn tay vào giấy "Biên nhận vay tiền" chỉ là để làm chứng cho việc vay tiền là không có cơ sở. Ông L3 trình bày ông L3 cho ông H2 mượn GCNQSDĐ, tại phiên tòa phúc thẩm ông H2 xác nhận có mượn GCNQSDĐ của ông L3 nhưng cả ông L3 và ông H2 đều không trình bày được mục đích mượn để làm gì, không nhớ rõ thời điểm cho mượn là không có cơ sở.

[3.3] Ông L1 cho rằng nội dung giấy "Biên nhận vay tiền" có GCNQSDĐ số BN959444 của ông L1 liên quan đến khoản vay khác của ông L1 với bà L, không liên quan đến khoản vay 2 tỷ của ông L3 với bà L, tuy nhiên, giấy "Biên nhận vay tiền" thể hiện rõ ràng là ông L1 và ông L3 mỗi người đưa cho bà L 01 GCNQSDĐ để đảm bảo cho khoản vay 2 tỷ đồng này, cho nên Hội đồng xét xw nhận định đây chỉ là lời trình bày của ông L1, không có chứng cứ nào chứng minh nên không được chấp nhận.

[3.4] Tài liệu từ vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản số thụ lý 125/2023/TLST-DS ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai) là một trong những chứng cứ để Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá về lời trình bày của các bên, xét thấy, chứng cứ có giá trị nhất thể hiện ông L3 và ông L1 cùng vay tiền bà L là giấy "Biên nhận vay tiền" đề 25/4/2022.

[3.5] Tại Biên bản nghị án có nội dung viết tay thể hiện "Không chấp nhận yêu cầu của bà L về việc yêu cầu bà H có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà L", bản án sơ thẩm tại phần nhận định có đánh giá về trách nhiệm trả nợ của bà H là vợ ông L1, tuy nhiên, phần quyết định của bản án sơ thẩm lại không tuyên đối với yêu cầu này của nguyên đơn. Tại Quyết định số 53a/2025/QĐ-SCBSBA ngày 22/10/2025 Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai đã bổ sung đối với phần quyết định về trách nhiệm trả nợ của bà H như nội dung viết tay trong biên bản nghị án. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã có thiếu sót trong việc ban hành bản án. Xét thấy đây chỉ là lỗi đánh máy, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm tránh để sai sót lặp lại tại các bản án khác.

[3.6] Đối với Thông báo nộp tạm ứng chi phí đăng tin tìm kiếm số 48/TB-TA ngày 31/7/2025 thể hiện nguyên đơn đã nộp số tiền là 8.750.000 đồng, tại bút lục số 131 nguyên đơn đã nộp số tiền này. Mặt sau của "Biên nhận chi phí đăng tin tìm kiếm" có "Quyết toán chi phí đăng tin tìm kiếm" thể hiện ông T đã nhận số tiền dư và yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xem xét để nguyên đơn tự nguyện chịu, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử phải thể hiện trong phần nhận định và quyết định về chi phí tố tụng này, đây là thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm trong việc không bổ sung đối với phần chi phí tố tụng này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm tính sai số tiền án phí ông L1 phải chịu. Cụ thể: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một

phần nên ông L3, ông L1 phải chịu án phí 98.240.000đ. Do ông L3 là người cao tuổi được miễn án phí nên ông L1 phải chịu 50% án phí là 49.120.000đ. Bà L là người cao tuổi được miễn tạm ứng án phí.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập và phân tích đầy đủ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, đảm bảo quyền lợi của các bên, do đó, cần giữ nguyên về đường lối giải quyết vụ án, chỉ sửa bản án sơ thẩm về việc bổ sung chi phí tố tụng về chi phí đăng tin tìm kiếm và số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai thay đổi một phần yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai, đề nghị sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai, xét thấy đề nghị trên có cơ sở một phần nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Hoàng Ngọc L3 và ông Đặng Quốc L1 phải chịu, tuy nhiên, ông Hoàng Ngọc L3 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Ngọc L3, ông Đặng Quốc L1.
2. Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai về phần chi phí tố tụng và án phí.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của .

Điều 466, Điều 468; khoản 1 Điều 502 bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013.

Điều 26 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lã Thị Kiều L.

Buộc ông Đặng Quốc L1 và ông Hoàng Ngọc L3 liên đới trả cho bà Lã Thị Kiều L5 số tiền nợ gốc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) và tiền lãi từ ngày 25/4/2022 đến

ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1,6%/1 tháng là 41 tháng 05 ngày, thành tiền là 1.312.000.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 3.312.000.000đ (Ba tỉ ba trăm mười hai triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lã Thị Kiều L về việc yêu cầu bà Trần Thị H có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà L.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hoàng Ngọc L3 về việc buộc bà Lã Thị Kiều L trả lại cho ông Hoàng Ngọc L3 GCNQSDĐ thửa đất 635, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất tại ấp B, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Nai).

3. Bà Lã Thị Kiều L và ông Đặng Quốc L1 có quyền thỏa thuận với nhau về việc giải quyết đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BN959391 của thửa đất số: 394 (chỉnh lý thành 1339 "Lô 11"); tờ bản đồ số: (chỉnh lý thành 8 "Cụm A1") tại phường C, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20/12/2013 cho Công ty cổ phần Đ, chỉnh lý trang tư ngày 28/9/2020 cho ông Đặng Quốc L1, bà Trần Thị H hoặc khởi kiện thành vụ án khác nếu có yêu cầu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Lã Thị Kiều L phải chịu chi phí là 6.750.000 đồng, bà L đã tự nguyện nộp.

5. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Quốc L1 phải chịu án phí 49.120.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Quốc L1 phải chịu án phí 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông L1 đã nộp theo B lại thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003223 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Vũ Hồng Luyện

Lê Quang Ninh

Nguyễn Văn Thư